TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2021/HC-PT
Ngày: 18 - 10 - 2021
V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đình Trung;

Ông Điều Văn Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 212/2020/TLPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2020 về *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7964/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị O, sinh năm 1965; địa chỉ: khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phượng U, sinh năm 1973; địa chỉ: Số C P, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: Số B, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2.3. Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T – Chủ tịch. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.2. Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1985; địa chỉ: số A, đường B, khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.3. Chị Lê Hồng L, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT: số B, ngõ H, đường B, khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện nay: 771 H – machi, Yatsushiro city, K – K, J (Nhật Bản). Vắng mặt.

3.4. Chị Lê Kim H1, sinh năm 1990. địa chỉ: số A, đường B, khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị H, chị L, chị H1:* Bà Phạm Thị O, sinh năm 1965; địa chỉ: K, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư tại khối I, phường Q, thành phố V, Nghệ An, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V đã có quyết định thu hồi đất thửa số 265, tờ bản đồ số 23, diện tích toàn thửa là 1.420m^2 (viết tắt là thửa số 265) và thửa số 258, tờ bản đồ số 23, diện tích toàn thửa là 4222,8m^2 (viết tắt là thửa 258). Bà Phạm Thị O cho rằng gia đình bà đang sử dụng diện tích 165m^2 trong thửa đất 265 và 195m^2 đất trong thửa đất 258 bị thu hồi, nhưng gia đình không được nhận quyết định thu hồi đất, không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Sau tìm hiểu mới biết do UBND phường Q xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất. Gia đình đã có đơn xin xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất nhưng không được giải quyết nên bà đã có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND phường Q đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) (viết tắt là Quyết định số 2471) và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) (viết tắt là Quyết định số 304) nhưng bà Phạm Thị O không đồng ý.

Ngày 09/10/2018, bà Phạm Thị O khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy các Quyết định số 2471 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định số 304 của Chủ tịch UBND phường Q; buộc UBND phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng phần diện tích 165m^2 thuộc thửa số 265 và phần diện tích 195m^2 thuộc thửa số 258; yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích 165m^2 đất thuộc thửa số 265 và diện tích 195m^2 thuộc thửa 258 cho gia đình bà.

Theo bà O thì, một phần thửa đất số 265 (diện tích 165m^2) và thửa 258

(diện tích 195m^2) nói trên do gia đình khai hoang năm 1976, đến năm 1979 nhập vào HTX sản xuất chung, năm 1992, Hợp tác xã (HTX) Hưng Đông II chia đất lâu dài và thực hiện chính sách bù rút, năm 1994 không thực hiện chính sách bù rút nữa nên gia đình vẫn sử dụng đất và nộp sản lượng đầy đủ, quá trình sử dụng ổn định vào mục đích đất nông nghiệp không tranh chấp với ai, đến năm 2011 do làm đường L bị ngập nên gia đình không sản xuất. Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư, UBND thành phố V đã có quyết định thu hồi toàn bộ thửa đất. Diện tích hai thửa đất của gia đình sản xuất nằm trong tổng diện tích đất bị thu hồi nhưng do UBND phường Q xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất nên gia đình không được bồi thường, hỗ trợ về đất là không đúng khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thanh H, Lê Hồng L, Lê Kim H1 đều đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố V trình bày: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Phạm Thị O đối với Quyết định số 304, UBND thành phố V đã tiến hành thành lập đoàn kiểm tra xác minh giải quyết khiếu nại liên quan đến việc hộ bà Phạm Thị O. Xét thấy, yêu cầu phường Q xác nhận gia đình bà O là chủ sử dụng đất một phần thửa số 265 tờ bản đồ số 23 diện tích 165m^2 và một phần thửa 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 195m^2 được giao khoán ổn định từ năm 1992 đến thời điểm thu hồi đất năm 2016 là không có cơ sở. Gia đình bà O không cung cấp được giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để chứng minh gia đình bà được giao khoán và sử dụng ổn định liên tục từ năm 1992 đến thời điểm thu hồi đất. Thửa đất mà bà Phạm Thị O đang khiếu nại không thể hiện trong sổ giao khoán của xã viên đội 1, HTX N lập năm 1992. Từ năm 2011, hộ bà O cũng không sản xuất trên thửa đất trên. Nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2471 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường Q và Chủ tịch UBND phường Q trình bày: Nguồn gốc thửa đất 265 và thửa 258, tờ bản đồ số 23 tại khối I, phường Q theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2001 là đất mặt nước hoang (ký hiệu MN/Hg). Theo xác minh thì HTX không giao khoán, không có trong sổ khoán tổng, sổ "Khoán hộ xã viên" do ông Nguyễn Văn T1- đội trưởng đội sản xuất xóm Y giai đoạn 1989 – 1994, phó Chủ nhiệm HTX N1 giai đoạn 1994 – 1997 lập năm 1992. Hiện trạng đất tại thời điểm thu hồi bỏ hoang do ngập úng. Căn cứ khoản 2 Điều 101, Điều 22, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì khiếu nại của hộ bà Phạm Thị O về xác nhận nguồn gốc đất để đền bù là không có cơ sở. Do đó, UBND phường Q không xác nhận nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị O; Chủ tịch UBND phường Q vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định số 304 và đồng ý với quan điểm của Chủ tịch UBND thành phố V.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm

2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại;

Căn cứ khoản 2 Điều 101, Điều 22, khoản 2 Điều 77, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị O về việc: Hủy Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V; Hủy Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Q, thành phố V; Buộc UBND phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng một phần đất thửa số 265, tờ bản đồ số 23, diện tích 165m^2 (trong diện tích toàn thửa là 1.420m^2) và thửa 258 tờ bản đồ số 23, diện tích 195m^2 (trong diện tích toàn thửa là 4.222,8m^2) tại khối I, phường Q, thành phố V, Nghệ An; Buộc UBND thành phố V phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích 165m^2 đất của thửa số 265 và diện tích 195m^2 của thửa 258, tờ bản đồ số 23 cho hộ bà Phạm Thị O .

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/10/2019, bà Phạm Thị O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Trong thời hiệu khởi kiện, bà Phạm Thị O khởi kiện Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại lần hai, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; hành vi hành chính không xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng đất của UBND phường Q và yêu cầu buộc UBND thành phố V bồi thường cho hộ bà Phạm Thị O đối với diện tích 165m^2 thuộc thửa số 265 và diện tích 195m^2 thuộc thửa số 258 cùng tờ bản đồ số 23, tại khối I, phường Q, thành phố V, Nghệ An đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng là quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét, giải quyết là đúng quy định tại Điều 193 Luật tố tụng Hành chính.

[1.2]. Tòa án đã phải hoãn phiên tòa nhiều lần vì các đương sự vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Nguyễn Phượng U có đơn xin xét xử vắng mặt; những người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, tuy nhiên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị O, HĐXX thấy:

[2.1]. Đối với Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Q và Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Ngày 16/02/2017, bà Phạm Thị O có đơn khiếu nại gửi tới UBND phường Quán Bàu với nội dung, UBND phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng thửa đất 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 195m^2; thửa đất 265 tờ bản đồ số 23 diện tích 165m^2 tại khối I, phường Q, thành phố V không đúng dẫn đến gia đình bà không được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi các thửa đất nêu trên để thực hiện Dự án quy hoạch chia lô đất ở dân cư. Cùng ngày 16/02/2017, Chủ tịch UBND phường Q quyết định thành lập Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại lần đầu của bà O. Ngày 17/3/2017, Đoàn xác minh có Báo cáo gửi Chủ tịch UBND phường Q. Trên cơ sở báo cáo của đoàn xác minh khiếu nại, kết quả đối thoại, ngày 29/9/2017, Chủ tịch UBND phường Q đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị O.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Q, bà O tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố V. Ngày 14/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố V quyết định thành lập Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại lần hai của bà O. Trên cơ sở báo cáo của đoàn xác minh, kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/4/201 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Phạm Thị O.

Như vậy, các Quyết định số 304 và Quyết định số 2471 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung:

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối I, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An, gia đình bà Phạm Thị O không còn sản xuất trên một phần các thửa đất số 256, 258 mà đã dừng sản xuất từ năm 2011. Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2001; Bảng thống kê diện tích loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng; Sổ mục kê đất đai năm 2001 của xã H lưu trữ tại UBND phường Q thì nguồn gốc thửa đất 265 có tổng diện tích 1.420m^2 và thửa đất 258 có tổng diện tích 4222,8m^2 tại khối I, phường Q là loại đất MN/Hg (mặt nước hoang) chưa sử dụng do UBND xã H quản lý cho đến năm

2005, sau đó là UBND phường Q tiếp tục quản lý từ năm 2005 cho đến khi bị thu hồi. Theo xác minh của Đoàn kiểm tra thì Đội sản xuất số 1, HTX N1 hay UBND xã H trước đây, UBND phường Q sau này không giao khoán phần diện tích tại các thửa đất mà hộ bà Phạm Thị O đang có khiếu nại cho hộ bà O, đây là đất của HTX N1 nhưng thuộc quỹ đất dự phòng của HTX. Đối với thửa đất số 258, ngay cả khi không còn thực hiện chính sách bù rút cho các xã viên đội 1 tại thì cũng không có giấy tờ, tài liệu nào chứng minh việc hộ bà Phạm Thị O đã được HTX giao khoán bổ sung sau này. Đối với thửa đất số 265, còn không thể hiện trong sổ khoán hộ xã viên lập năm 1992.

Trên thực tế, gia đình bà O có sản xuất trên một phần các thửa đất từ khoảng năm 1992, 1993 đến năm 2011. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, hộ bà O không kê khai, đăng ký và không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào liên quan đến việc sử dụng đất tại các thửa đất này.

Theo chính sách quản lý đất đai tại địa phương, sổ giao khoán cho các xã viên trong quá trình sử dụng mà có sửa chữa hoặc bổ sung thì sẽ được Chủ nhiệm HTX xác nhận và đóng dấu của HTX tại vị trí sửa chữa hoặc bổ sung đó. Tuy nhiên, đối với các sổ giao khoán do bà O giao nộp: Sổ giao khoán T, thửa 258 ở xứ đồng vật liệu không thể hiện loại đất gì; Sổ giao khoán Thắng O1 có thể hiện thửa đất số 265 tờ bản đồ số 23. Tuy nhiên các sổ giao khoán này đều do bà T2 và bà O1 giữ, có nhiều loại chữ, có dấu hiệu tẩy xóa nhưng không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Từ sau năm 2005, một số xóm của xã H được tách ra để thành lập phường Q thì HTX N1 không quản lý đất nông nghiệp tại các xóm đã tách ra nữa, thời điểm đó, sổ khoán cụ thể của từng xã viên thì trả lại cho các xã viên, còn sổ theo dõi chung của HTX thì được chuyển sang cho UBND phường Q quản lý. UBND phường Q sau khi thành lập thì không thành lập HTX nên quỹ đất giao khoán và quỹ đất dự phòng vẫn giữ nguyên từ năm 2005 cho đến năm 2011, không có gì thay đổi.

Căn cứ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án quy hoạch chia lô đất ở dân sự tại khối I, phường Q do Trung tâm phá triển quỹ đất thành phố cung cấp; căn cứ Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 13/10/2017 của UBND phường Q; Công văn số 1204/PTQĐ-GPMB ngày 10/10/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất; Tờ trình số 6768/TTr-TNMT ngày 20/10/2017 của Phòng T3, ngày 20/10/2017, UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 7063/QĐ-UBND thu hồi 2.186,5m^2 đất, trong đó có một phần thửa đất 258 và 265, tờ bản đồ số 23, được xác định là đất có mặt nước chuyên dùng do UBND phường Q quán lý, tại thời điểm thu hồi đất đang bỏ trống nên không bồi thường, hỗ trợ về đất.

Do đó, việc bà Phạm Thị O yêu cầu xác nhận gia đình bà được giao khoán và sử dụng ổn định diện tích 165m^2 thuộc thửa đất số 265 và diện tích 195m^2 thuộc thửa đất số 258 từ năm 1992 đến khi thu hồi đất và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ diện tích hai thửa đất này là không có cơ sở.

Vì vậy, Chủ tịch UBND phường Q ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND

ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị O là đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2013/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 2 Điều 101, khoản 4 Điều 22, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2]. Về tính hợp pháp của Hành vi hành chính không xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng đất của UBND phường Q và yêu cầu bồi thường cho hộ bà Phạm Thị O đối với diện tích 165m^2 thuộc thửa đất số 265 và diện tích 195m^2 thuộc thửa đất số 258.

Như đã phân tích ở trên, thực tế gia đình bà Phạm Thị O có sản xuất lúa trên một phần thửa đất 265 và 258 tờ bản đồ số 23 từ năm 1993 đến năm 2011 nhưng không được giao khoán, không đăng ký việc sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ tài chính. Từ năm 2011 đến khi thu hồi đất, bà O không còn sản xuất trên các thửa đất đó. Toàn bộ các thửa đất đều bỏ hoang, quá trình giải quyết khiếu nại các hộ dân trong đó có bà O đã đều thừa nhận đất bỏ hoang từ năm 2011. Các Quyết định số 304 của Chủ tịch UBND phường Q và Quyết định số 2471 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đồng nghĩa với việc UBND phường Q không xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị O được giao khoán và sử dụng liên tục từ năm 1992 cho đến khi bị thu hồi là đúng quy định pháp luật cũng như không có cơ sở buộc UBND thành phố V bồi thường cho hộ bà Phạm Thị O đối với diện tích 165m^2 thuộc thửa đất số 265 và diện tích 195m^2 thuộc thửa đất số 258 tờ bản đồ số 23, tại khối I, phường Q, thành phố V, Nghệ An.

[3]. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, HĐXX không có cơ sở chấp nhận các nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị O.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị O phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị O; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Bà Phạm Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ đi số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm bà O đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2019/0003105 ngày 18/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển